

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 498/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2022
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyền.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Hoa.
2. Ông Lê Anh Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Dương Kim Cương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Nguyên-Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 178/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Phi C**, sinh năm 1984; (xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- Bị đơn: Chị **Lê Thị Thanh T**, sinh năm 1985; (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 29/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Phi C trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh C và chị T đã kết hôn từ năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23, ngày 11/3/2010. Quá trình sống chung đến đầu năm 2022, tình cảm vợ

chồng không còn và mâu thuẫn phát sinh từ nhiều việc. Mặc dù anh đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2022. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn với chị Lê Thị Thanh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê Triều A, sinh ngày 08/02/2010, hiện đang sống với anh C. Ly hôn anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Bị đơn chị Lê Thị Thanh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập xét xử hai lần nhưng chị T không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của anh C và vắng mặt tại phiên tòa.*

** Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nên không thỏa thuận về việc giải quyết vụ án.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận xét: Về hôn nhân: mâu thuẫn giữa anh C và chị T là có thật, anh chị đã có thời gian sống ly thân, quá trình giải quyết vụ án chị T không đến Tòa để trình bày ý kiến, thể hiện chị T không muốn hàn gắn đoàn tụ với anh C. Từ đó, xác định mâu thuẫn giữa anh C và chị T trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của anh C là có cơ sở. Về con chung: anh C và chị T có 01 con chung tên Nguyễn Lê Triều A, sinh ngày 08/02/2010 hiện đang sống với anh C, nên anh C xin trực tiếp nuôi con là phù hợp nguyện vọng của con và quy định pháp luật. Ghi nhận anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Phi C có đơn xin vắng mặt, chị Lê Thị Thanh T đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và bị đơn đang cư trú tại ấp T, xã X, huyện C nên Tòa án xác định tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nội dung tranh chấp: Anh C cho rằng anh và chị T có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn và tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị T. Về con chung, anh C và chị T có 01 con chung hiện đang sống với anh C. Ly hôn, anh C yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung, không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét yêu cầu của anh C:

[4.1] Về hôn nhân: Anh C và chị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23 ngày 11/3/2010, nên căn cứ Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh C và chị T nhiều lần mâu thuẫn, anh C và chị T đã có thời gian sống ly thân. Ngoài ra, thời gian Tòa án triệu tập chị T để hòa giải và xét xử, chị T đều vắng mặt, thể hiện chị T không muốn hàn gắn đoàn tụ với anh C. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh C và chị T là có thật, trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa anh C và chị T đã không đạt được. Do đó, anh C yêu cầu ly hôn là có cơ sở phù hợp khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Anh C và chị T có 01 con chung là Nguyễn Lê Triều A, sinh ngày 08/02/2010 hiện đang sống với anh C. Xét thấy, từ khi sống ly thân với chị T, cháu A sống ổn định với anh C. Ngoài ra, cháu A có nguyện vọng sống với anh C (Bút lục 04). Chị T không có văn bản trình bày ý kiến hay tranh chấp về việc nuôi con. Do đó, xét thấy cần thiết giao cháu A cho anh C trực tiếp nuôi là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai cản trở.

[4.3] Về cấp dưỡng: Ghi nhận anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Anh C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 8, 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phi C.

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Phi C được ly hôn với chị Lê Thị Thanh T.

- Về con chung: Giao con tên Nguyễn Lê Triều A, sinh ngày 08/02/2010 cho anh Nguyễn Phi C trực tiếp nuôi. Chị Lê Thị Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Phi C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024956 ngày 08/07/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Anh C và chị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Tuyền

